

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH S LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2021/HS-ST
Ngày 30 - 12 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH S LA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Quấn Thị Dung, ông Lê Bắc Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kiều Trang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh S La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn Latham gia phiên tòa: Ông Hà Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sơn Laxét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 42/2021/TLST- HS ngày 26 tháng 11 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2021/QĐXXST-HS ngày 15/12/2021 đối với bị cáo:

Sông A T, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1992, tại huyện V, tỉnh S La. Nơi cư trú: Bản C, xã L, huyện V, tỉnh S La; nghề nghiệp: trồng trọt; trình độ văn hóa: 06/12; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; Tn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; đảng phái, đoàn thể: không; con ông Sông A T và bà Giàng Thị M, bị cáo có vợ là Vàng Thị C và có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2008, con nhỏ nhất sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/8/2021 đến nay; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Đàm Mạnh Hùng – Trợ giúp viên pháp lý trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh S La; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 02h40' ngày 18/01/2019, tổ công tác Công an huyện V phối hợp với các lực lượng chức năng làm nhiệm vụ tại khu vực bản Hua Tạt, xã V, huyện V, tỉnh Sơn Laphát hiện và bắt quả tang Nguyễn Văn L, Ngàn Văn T1 và Đoàn Đình T2 đang có hành vi vận chuyển trái phép chất ma túy. Vật chứng thu giữ gồm: 02 túi nilon màu xanh bên trong chứa 34 viên nén màu hồng (T1, T2, L khai nhận là hồng phiến); tạm giữ của Ngàn Văn T1 5.900.000đ, 01 điện thoại di

động hiệu Samsung; tạm giữ của Nguyễn Văn L 2.500.000đ, 02 điện thoại di động hiệu Samsung và Nokia.

Mở rộng điều tra, cùng ngày 18/01/2019, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện V ra lệnh bắt giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Đặng Văn V trú tại huyện L, tỉnh Bắc Giang và Đoàn Đình S trú tại huyện M, tỉnh Sơn La về tội Mua bán trái phép chất ma túy, tạm giữ của Đoàn Đình S 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Foxfone, tạm giữ của Đặng Văn V 3.200.000đ.

Ngày 14/10/2019, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Sơn La quyết định khởi tố bị can và Lệnh bắt bị can để tạm giam đối với Nguyễn Văn Gám trú tại An Lão, Hải Phòng và Sông A T trú tại V, tỉnh Sơn La nhưng các bị can bỏ trốn không bắt được. Ngày 12/11/2019 Cơ quan cảnh sát điều tra ra Quyết định truy nã đối với Nguyễn Văn Gám và Sông A T. Ngày 02/12/2019, Nguyễn Văn Gám bị bắt theo lệnh truy nã; ngày 21/8/2021, Sông A T bị bắt theo lệnh truy nã, tạm giữ của Sông A T 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO và 200.000đ.

Ngày 18/01/2019, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện V đã thành lập Hội đồng mở niêm phong, cân tịnh xác định khối lượng, lấy mẫu trung cầu giám định: 02 túi nilon là 394 viên nén màu hồng thu khi bắt quả tang có khối lượng 36,25gam; trích mỗi túi 05 viên có khối lượng 0,92gam ký hiệu TTL, TTL2 làm mẫu giám định xác định chất ma túy.

Tại Kết luận giám định số: 268 ngày 22/01/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La kết luận:

“Mẫu gửi giám định ký hiệu TTL, TTL2 đều là ma túy, loại Methamphetamine; tổng khối lượng của mẫu gửi giám định là 0,92gam.

Tổng khối lượng ma túy thu giữ là 36,25 gam; loại Methamphetamine.”

Quá trình điều tra bị cáo Đặng Văn V, Nguyễn Văn L, Đoàn Đình S, Ngân Văn T1, Đoàn Đình T2, Nguyễn Văn Gám và Sông A T khai nhận:

Cuối năm 2018, Đặng Văn V có vay 10.000.000 đồng của Nguyễn Văn Gám (cậu của V) để chi tiêu cá nhân, do không có tiền trả nợ V rủ Gám đi tìm mua hồng phiến đem về bán kiếm lời. Ngày 13/01/2019, V gọi điện cho Đoàn Đình S nhờ mua hộ 02 túi hồng phiến, V hứa sẽ trả tiền công, S đồng ý và báo giá 8.000.000 đồng/01 túi hồng phiến. V hẹn ngày 17/01/2019 sẽ lên huyện M để mua bán ma túy. Sau đó V gọi điện thông báo cho Gám biết đã có chỗ mua hồng phiến giá 12.000.000 đồng/01 túi. Ngày 14/01/2019, V đi vay Ngân hàng huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang được 20.000.000 đồng, V gọi điện cho Gám để trả nợ 10.000.000 đồng và rủ Gám ngày 17/01/2019 đi lên huyện M mua hồng phiến nhưng Gám bảo không đi được mà sẽ cho người đi cùng V, còn số tiền 10.000.000 đồng V bảo trả nợ Gám, nhờ V dùng 10.000.000 đồng này mang đi mua hộ 01 túi hồng phiến, còn thiếu bao nhiêu về sẽ thanh toán sau. Ngày 16/01/2019, Gám gọi điện rủ Nguyễn Văn L đi mua ma túy đem về bán và hứa sẽ trả tiền công. Cùng ngày 16/01/2019, Gám điều khiển xe máy chở L đi từ huyện An Lão, thành phố Hải Phòng đến nhà V ăn cơm và ngủ lại tại nhà V.

Sáng ngày 17/01/2019 Gắm bảo L đi cùng V lên huyện M, tỉnh Sơn Lamua hồng phiến mang về cho Gắm bán kiếm lời, L đồng ý. V và L đi xe khách từ huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang đến huyện M, tỉnh S La, trên đường đi V gọi điện cho Đoàn Đình S biết đang trên đường đi lên huyện M, S gọi điện hỏi Đoàn Đình T2 có biết chỗ nào bán hồng phiến không thì T2 nói Ngân Văn T1 biết chỗ bán hồng phiến. S gọi điện cho T1 (lúc này T1 đang ở Hà Nội) hỏi có biết chỗ nào bán Hồng phiến không nếu mua được sẽ trả công, T1 đồng ý, trao đổi xong T1 đi xe khách từ huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội lên M. Khoảng 20 giờ ngày 17/01/2019, V và L đến huyện M, S ra đón vào quán ăn cơm, V đặt V đề nhờ S mua hộ 02 túi hồng phiến nếu mua được V sẽ trả công, S gọi điện bảo T1 và T2 đến quán để dẫn L đi mua ma túy. Tại quán V đưa cho L 20.000.000 đồng và một chiếc điện thoại bảo đi cùng T1 và T2 mua hồng phiến, còn V và S thuê nhà nghỉ đợi khi nào mua được ma túy thì đem về cho V. L đưa 20.000.000 đồng cho T1 cầm, T1 gọi xe taxi do Phùng Hải Dương điều khiển chở T1, T2 và L đi đến bản C, xã L, huyện V. T1 dẫn T2 và L vào nhà Sòng A T hỏi mua 500.000 đồng hồng phiến, T đồng ý, lấy 10 viên hồng phiến bán cho T1, sau đó T1, T2 và T cùng nhau sử dụng hết 10 viên hồng phiến tại nhà của T, sử dụng ma túy xong T2 hỏi mua 02 túi hồng phiến, T đồng ý bán với giá 7.000.000 đồng/01 túi, T1 lấy 14.000.000 đồng trả cho T. T nhận tiền rồi đi ra ngoài tìm người phụ nữ dân tộc Mông (T không biết tên tuổi địa chỉ) mua được 02 túi hồng phiến với giá 6.800.000đ/01 túi. Sau đó T quay về đưa cho T1 02 túi hồng phiến, T1 mở ra kiểm tra rồi gói lại cất vào trong túi quần, sau đó quay lại chỗ xe taxi để đi về chỗ S và V đang đợi. Khoảng 03 giờ ngày 18/01/2019 khi xe đi đến khu vực bản Hua Tật, xã V, huyện V thì Ngân Văn T1, Đoàn Đình T2 và Nguyễn Văn L bị phát hiện bắt quả tang thu giữ vật chứng như đã nêu trên. Đến ngày 18/01/2019, Đoàn Đình S và Đặng Văn V bị cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V, ra Lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp. Ngày 14/10/2019, Nguyễn Văn Gắm bị bắt theo Lệnh truy nã. Ngày 21/8/2021, Sòng A T bị bắt theo lệnh truy nã.

Do có hành vi nêu trên, tại Cáo trạng số: 148/CT-VKS-P1 ngày 25/11/2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La đã truy tố Sòng A T về tội Mua bán trái phép chất ma túy theo điểm b khoản 3 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo Sòng A T khai hành vi phạm tội như đã khai tại cơ quan điều tra.

Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Sòng A T và đề nghị: Tuyên bố bị cáo Sòng A T phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy.

Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 251; điểm r, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Sòng A T từ 16 năm đến 17 năm tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về vật chứng đề nghị: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự đề nghị:

Trả lại bị cáo Sông A T 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO và số tiền 200.000đ.

Quan điểm của Luật sư Đàm Mạnh Hùng bào chữa cho bị cáo: Nhất trí với Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo là người dân tộc thiểu số sống ở vùng sâu vùng xa nên hiểu biết pháp luật còn hạn chế do đó đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo ở mức thấp nhất của khung hình phạt; miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền và miễn án phí cho bị cáo.

Bị cáo Sông A T nhất trí với quan điểm bào chữa của Luật sư, xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Luật sư, bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Ngày 17/01/2019 bị cáo Sông A T đã có hành vi bán trái phép 36,25gam Methamphetamine cho Ngân Văn T1, Đoàn Đình T2 và Nguyễn Văn L. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai trước đó bị cáo Sông A T đã bán cho Ngân Văn T1, Đoàn Đình T2 và Nguyễn Văn L 10 viên hồng phiến với giá 500.000đ sau đó T cùng với T1, T2 đã sử dụng hết số ma túy này tại nhà Sông A T. Căn cứ lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, đối chiếu với lời khai của Ngân Văn T1, Đoàn Đình T2 và Nguyễn Văn L có đủ cơ sở kết luận bị cáo Sông A T đã bán cho Ngân Văn T1, Đoàn Đình T2 và Nguyễn Văn L 10 viên hồng phiến với giá 500.000đ. Trên cơ sở kết quả cân tịnh, kết luận giám định xác định khối lượng 10 viên hồng phiến tương đương 0,92gam Methamphetamine. Do đó bị cáo Sông A T phải chịu trách nhiệm đối với tổng khối lượng ma túy là 37,17gam Methamphetamine.

Hành vi phạm tội của bị cáo được chứng minh bằng các căn cứ như sau:

- Biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Nguyễn Văn L, Ngân Văn T1, Đoàn Đình T2 lập hồi 03 giờ 00 phút, ngày 18 tháng 01 năm 2019 tại bản Hua Tạt, xã V, huyện V cùng với vật chứng thu giữ.

- Biên bản bắt người đang bị truy nã đối với Sông A T lập hồi 06 giờ 30 phút ngày 21 tháng 8 năm 2021 tại bản C, xã L, huyện V, tỉnh Sơn Lacùng vật chứng thu giữ.

- Biên bản mở niêm phong, kiểm đếm số lượng, cân tịnh xác định khối lượng, lấy mẫu trưng cầu giám định vào hồi 14 giờ 00 phút, ngày 18 tháng 01 năm 2019, kết quả: 02 túi nilon chứa 394 viên nén màu hồng thu giữ khi bắt quả tang có khối lượng 36,25 gam, trích mỗi túi 05 viên có tổng khối lượng 0,92 gam ký hiệu TTL, TTL2 làm mẫu giám định xác định chất ma túy.

- Kết luận giám định số 268 ngày 22/01/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Sơn Lakết luận: *“Mẫu gửi giám định ký hiệu TTL, TTL2 đều là ma túy, loại Methamphetamine; tổng khối lượng của mẫu gửi giám định là 0,92gam.*

Tổng khối lượng ma túy thu giữ là 36,25 gam; loại Methamphetamine.”

- Lời khai nhận tội của bị cáo Sông A T tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị cáo Đặng Văn V, Nguyễn Văn L, Đoàn Đình S, Ngàn Văn T1, Đoàn Đình T2 và các chứng cứ khác đã thu thập có trong hồ sơ vụ án.

[3] Khung hình phạt áp dụng:

Hành vi mua bán trái phép 37,17gam Methamphetamine của bị cáo đã vi phạm tình tiết định khung hình phạt quy định tại điểm b khoản 3 Điều 251 Bộ luật Hình sự *“Heroin, Cocaine, Methamphetamine.....có khối lượng từ 30 gam đến dưới 100 gam”* có khung hình phạt tù từ 15 năm đến 20 năm.

[4] Đánh giá về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo:

Bị cáo Sông A T là người có đủ năng lực hành vi, nhận thức được việc mua bán ma túy là vi phạm pháp luật, nhưng do háo lợi nên đã cố ý thực hiện. Hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, là một trong những nguyên nhân làm phát sinh các tệ nạn xã hội và các tội phạm khác gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Do đó, cần có mức án tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo mới đảm bảo được tính răn đe và phòng ngừa chung cũng như công tác đấu tranh phòng chống tội phạm ma túy trong giai đoạn hiện nay.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Sông A T đã hai lần bán ma túy cho Ngàn Văn T1, Đoàn Đình T2 và Nguyễn Văn L vi phạm tình tiết *“phạm tội hai lần trở lên”* quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

- Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo ăn năn hối cải. Ngoài hành vi phạm tội bị phát

hiện bắt giữ, bị cáo còn khai ra hành vi phạm tội trước đó, là những tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm r, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- Việc người bào chữa cho bị cáo đề nghị xem xét áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự do bị cáo là người dân tộc thiểu số sống ở vùng sâu vùng xa, hiểu biết pháp luật còn hạn chế. Hội đồng xét xử nhận thấy: Tuy bị cáo sống ở xã có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn nhưng bị cáo đã được đi học (trình độ học V 06/12), bị cáo nhận thức được việc mua bán ma túy là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện, do đó đề nghị của người bào chữa là không có căn cứ chấp nhận.

[6] Đối với những đối tượng liên quan đến vụ án:

Đối với Đặng Văn V, Nguyễn Văn L, Đoàn Đình S, Ngân Văn T1, Đoàn Đình T2 và Nguyễn Văn Gắm là những người mua ma túy của Sông A T, ngày 24/4/2020 đã bị Tòa án nhân dân tỉnh Sơn Laxét xử tại bản án hình sự sơ thẩm số 20/2020/HSST tuyên phạt Đặng Văn V 16 năm tù, Đoàn Đình S 15 năm 06 tháng tù, Nguyễn Văn L 14 năm tù, Đoàn Đình T2 14 năm tù, Ngân Văn T1 14 năm tù, Nguyễn Văn Gắm 10 năm tù.

Đối với người phụ nữ đã bán ma túy cho Sông A T ngày 17/01/2019: T khai không biết tên tuổi, địa chỉ, không có số điện thoại. Ngoài lời khai của bị cáo không có căn cứ khác để chứng minh, do đó chưa có căn cứ để xử lý tại vụ án này, đề nghị cơ quan điều tra tiếp tục điều tra xác minh nếu có căn cứ thì sẽ xử lý tại vụ án khác.

[7] Về hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt chính, bị cáo còn có thể phải chịu hình phạt bổ sung là phạt tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự, nhưng xét thấy bị cáo không có khả năng thi hành nên có thể xem xét không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Về vật chứng: Đối với chiếc điện thoại di động và số tiền 200.000đ thu giữ khi bắt Sông A T, xét thấy không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên cần trả lại cho bị cáo.

Đối với số tiền 400.000đ là tiền bị cáo được hưởng lợi do việc mua bán trái phép chất ma túy nên cần truy thu nộp Ngân sách nhà nước.

[9] Về án phí: Bị cáo Sông A T là người dân tộc thiểu số sống ở xã có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 251; điểm r, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Sông A T phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy.

Xử phạt bị cáo Sông A T 15 (mười lăm) năm 06 (sáu) tháng tù; Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (ngày 21/8/2021).

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

2. Về vật chứng: Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Truy thu nộp Ngân sách nhà nước số tiền 400.000đ (Bốn trăm nghìn đồng) đối với Sông A T.

- Trả lại cho bị cáo Sông A T 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu vàng – trắng (điện thoại cảm ứng); số imei 1: 869382031969118; imei 2: 869382031969100; bên trong lắp 02 thẻ sim có số thuê bao lần lượt là 0328438220; 0339225619, điện thoại đã qua sử dụng và 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) được đựng trong 01 phong bì vật chứng còn nguyên niêm phong. Thu giữ của Sông A T.

Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 24/11/2021 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Sơn La và Cục thi hành án dân sự tỉnh S La.

4. Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Sông A T.

Bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 30/12/2021).

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh S La;
- Phòng PC04 - Công an tỉnh S La;
- Trại tạm giam Công an tỉnh S La;
- Sở Tư pháp tỉnh S La;
- Cục THADS tỉnh S La;
- Bị cáo; Luật sư;
- Phòng KTNV- THA;
- Lưu HS-AV

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Minh Hải